

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300559014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/09/2016)*

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ



FOODCOSA

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ trụ sở chính: 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (08) 3967 2060 - 3967 2038 - Fax: (08) 3967 2022

Website: <http://www.foodcosa.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM
PHƯƠNG NAM SECURITIES**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM

Địa chỉ trụ sở chính: số 28-30-32 Nguyễn Thị Nghĩa, P.Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (08) 38 6255 6518 - Fax: (08) 38 6255 6519

Website: www.chungkhoanphuongnam.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đỗ Ngọc Nga

Số điện thoại: (08) 3967 2060 -104

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Fax: (08) 3967 2022



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	3
1.Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.....	3
1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:.....	4
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	4
1.4. Quá trình tăng vốn của công ty.....	5
2.Cơ cấu tổ chức của Công ty:.....	5
2.1 Danh sách các chi nhánh trực thuộc: 10 chi nhánh.....	5
2.2 Công ty liên kết: 01 đơn vị.....	6
3.Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:.....	8
4.Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ).....	11
4.1 Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm ngày 11/11/2016).....	11
4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (tại thời điểm ngày 11/11/2016).....	11
4.3 Danh sách cổ đông sáng lập: không có.....	11
5.Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	11
5.1. Danh sách công ty mẹ.....	11
5.2. Danh sách công ty con: không.....	12
5.3. Danh sách công ty mà tổ chức giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:.....	12
5.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	12
6.Hoạt động kinh doanh.....	12
6.1 Lĩnh vực kinh doanh chính của foodcosa:.....	12
6.2 Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:.....	12
6.3 Doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động: (giai đoạn 2014,2015 và 8 tháng 2016).....	13
6.4 Nguồn nguyên vật liệu:.....	13
6.5 Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động: (giai đoạn 2014,2015 và 8 tháng 2016).....	13
7.Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất:.....	13
7.1 Hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất:.....	13
7.2 Những thuận lợi khó khăn của công ty trong thời gian qua:.....	14
8.Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	16
8.1. Vị thế của công ty trong ngành.....	16
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	16
9.Chính sách đối với người lao động.....	17





9.1. Số lượng người lao động trong công ty.....	17
9.2. Phân loại lao động theo trình độ chuyên môn.....	18
9.3. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp,.....	18
9.4. Chỉ tiêu về lao động và tiền lương của công ty trong năm 2014,2015,2016 và kế hoạch 2 năm tới:.....	18
10.Chính sách cổ tức.....	18
11.Tình hình tài chính.....	18
12.Tài sản (những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu Công ty).....	21
12.1Tình hình tài sản của công ty tính đến thời điểm 31/12/2015.....	21
12.2Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	21
12.3Tình hình đất và tài sản gắn liền với đất của công ty sau khi cổ phần hóa:.....	21
13.Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	22
13.1.Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.....	22
13.2.Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có):.....	22
14.Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay,...):.....	23
15.Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	23
15.1.Mục tiêu.....	23
15.2.Định hướng.....	23
15.3.Chiến lược phát triển.....	23
16.Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty.....	28
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	28
1.Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị (giới thiệu cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm cơ cấu các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có), danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, phân biệt rõ thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị điều hành).....	28
1.1. Danh sách hội đồng quản trị.....	28
1.2.sơ yếu lý lịch hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	33
2.1 Danh sách ban kiểm soát.....	33
2.2 Sơ yếu lý lịch ban kiểm soát.....	33
3. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.....	36
3.1 Danh sách ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.....	36
3.2 Sơ yếu lý lịch ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.....	36
4.Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty.....	38
III. PHỤ LỤC.....	38



CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh
PNS	:	Công ty cổ phần Chứng Khoán Phương Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
BCTC	:	Báo cáo tài chính
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
TSCĐ	:	Tài sản cố định
TSLĐ	:	Tài sản lưu động
TSCĐHH	:	Tài sản cố định hữu hình
TSCĐVH	:	Tài sản cố định vô hình
DTT	:	Doanh thu thuần
CCDV	:	Cung cấp dịch vụ
HĐKD	:	Hoạt động kinh doanh
LDLK	:	Liên doanh liên kết
ĐTTC	:	Đầu tư tài chính
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH:

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Tên tiếng Anh : HO CHI MINH CITY FOOD JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : FOODCOSA
- Địa chỉ trụ sở chính : 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : (08) 3967 2060 - 3967 2038 - Fax: (08) 3967 2022
- Website : <http://www.foodcosa.vn>
- Logo Công ty :



FOODCOSA

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300559014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/09/2016.
- Vốn điều lệ: 294.500.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng*).

- Vốn điều lệ thực góp: 294.500.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng*).
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh Vũ – Tổng Giám Đốc
- Foodcosa trở thành công ty Đại chúng theo công văn số 7131 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 26/10/2016.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Foodcosa: Kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm; Thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại; Kinh doanh xăng dầu...

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán: FCS
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 29.450.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký giao dịch: 14.000 cổ phiếu, trong đó bao gồm:
 - Cổ phần người lao động mua theo cam kết làm việc tại Công ty cổ phần: 14.000 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.
 - Cổ phần của cổ đông nước ngoài: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và quy định tại thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến ngày 11/11/2016, số lượng cổ phiếu của cổ đông nước ngoài là 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1980, Công ty được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-UB ngày 03/07/1980 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, với tên gọi: “Công ty kinh doanh Lương thực” trực thuộc Sở Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 1985, “Công ty kinh doanh Lương thực” được đổi tên thành “Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh” theo QĐ số 27 và 31/QĐ-UB ngày 02/03/1985 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Năm 2009, “Công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh” được chuyển đổi thành “Công ty TNHH một thành viên Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh” theo Quyết định số 4171/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 30/12/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Năm 2013, theo Quyết định số 204/HĐTV ngày 31/12/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam sáp nhập Công ty TNHH Bình Tây vào Công ty TNHH một thành viên Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 205/QĐ-HĐTV ngày

31/12/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam phê duyệt hợp đồng sáp nhập giữa 2 Công ty.

- Năm 2016, theo Quyết định số 12/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lương thực thành phố Hồ Chí Minh.
- Kể từ ngày 01/09/2016, Công ty chuyển đổi hình thức thành công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là: "Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh" theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 01/09/2016.
- Căn cứ thông báo số 809/TB-SGDHCM ngày 15/07/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty, cụ thể như sau:
 - + Địa điểm đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Thời gian tổ chức đấu giá: 15/07/2016;
 - + Tổng số lượng cổ phần đưa ra đấu giá: 9.711.900 cổ phần (chiếm tương đương 32,98% vốn điều lệ);
 - + Giá đấu thành công bình quân: 12.000 đồng/cổ phần.

1.4. *Quá trình tăng vốn của Công ty*

Kể từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần đến nay, Công ty không có sự thay đổi về đầu tư chủ sở hữu, do đó mức vốn điều lệ được giữ nguyên là 294.500.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bốn tỷ năm trăm triệu đồng*).

2. **Cơ cấu tổ chức của Công ty:**

Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 2014. Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được ĐHCĐ thông qua ngày 19/08/2016.

2.1 *Danh sách các chi nhánh trực thuộc: 10 chi nhánh*

- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake
 - Địa chỉ: số 09 Nguyễn Hữu Trí, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 08. 37602824
 - Fax: 08. 37602772
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Cửu Long .
 - Địa chỉ: số 736 Quốc lộ 91, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
 - Điện thoại: 0710. 3859639
 - Fax: 0710. 3859757
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Thới An

- Địa chỉ: 1693 – Quốc lộ 91, phường Thuận An, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại: 0710. 3851733
- Fax: 0710. 3852497
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Phúc Lộc
 - Địa chỉ: Khu vực Phúc Lộc 3, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
 - Điện thoại: 0710. 3854633
 - Fax: 0710. 3853037
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh -Xí nghiệp Lương thực Thạnh An
 - Địa chỉ: Ấp Phụng Phụng, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
 - Điện thoại: 0710. 6296919
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Mỹ Thới
 - Địa chỉ: Khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
 - Điện thoại: 076. 3832045 - 3930070
 - Fax: 076. 3831231
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh-Xí nghiệp Lương thực Tri Tôn
 - Địa chỉ: Ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, Huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
 - Điện thoại: 076. 3787588
 - Fax: 076. 3787599
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - FoodcoMart Sài Gòn
 - Địa chỉ: số 147 B Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 08.38374829
 - Fax: 08. 39209425
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - FoodcoMart Đắk Nông
 - Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông,
 - Điện thoại: 05013. 647958
 - Fax: 05013. 647959
- Chi nhánh Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh - FoodcoMart Tây Ninh.
 - Địa chỉ: số 194 đường Tua Hai, khu phố 2, phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
 - Điện thoại: 066. 3811263
 - Fax: 066. 3811263

2.2 Công ty liên kết: 01 đơn vị

1. Công ty cổ phần Phú Tam Khôi
 - Vốn điều lệ: 31.000.000.000 đồng



FOODCGSA

BẢN TÓM TẮT THÔNG TIN CTCP LƯƠNG THỰC TP HỒ CHÍ MINH

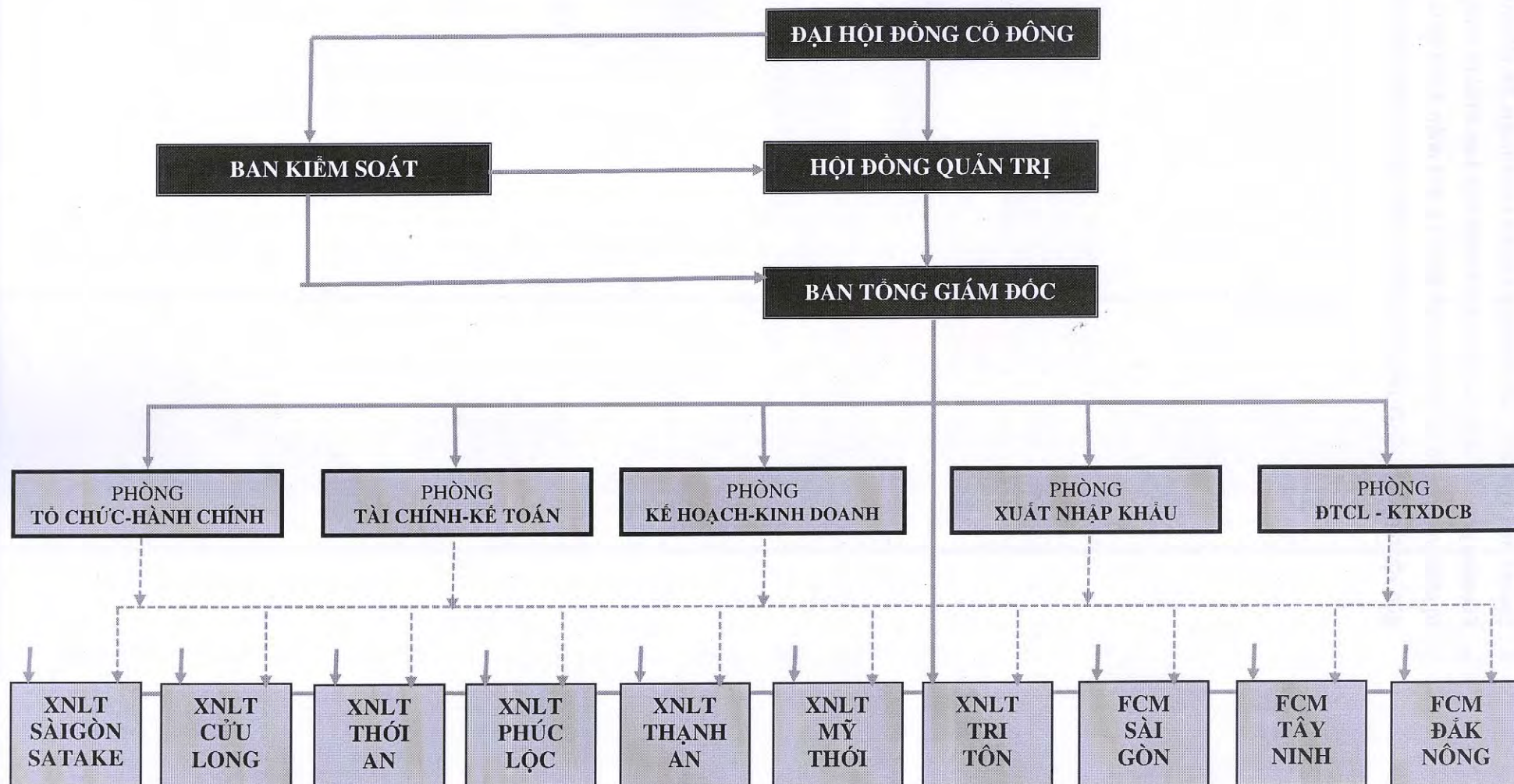
- o Địa chỉ: 161 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- o Foocosa góp vốn 40% vào Công ty cổ phần Phú Tam Khôi từ tháng 1/2009, giá trị phần vốn góp là 12.400.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/08/2016 giá trị phần góp vốn này được đánh giá lại theo BCTC kiểm toán là 5.853.508.822 đồng.





3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Sơ đồ bộ máy:



(Nguồn: Foodcosa)

Diễn giải:

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có cơ cấu tổ chức như sau: (a) Đại hội đồng cổ đông, (b) Hội đồng quản trị, (c) Ban kiểm soát, d) Ban Tổng Giám đốc, (v) Các phòng ban

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.

b. Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có quyền, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và các quy chế của Công ty.

Số lượng thành viên HĐQT của Công ty là 05 người, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 01 ủy viên HĐQT chuyên trách. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm.

c. Ban kiểm soát

BKS do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. BKS có quyền, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ và các quy chế của Công ty.

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 người, trong đó có 01 Trưởng BKS chuyên trách. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm.

d. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại Điều lệ và các quy chế của Công ty.

e. Phó tổng giám đốc

Phó tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc theo sự phân công và uỷ quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm giúp Tổng giám đốc về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền. Phó tổng giám đốc có quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại các quy chế của Công ty.

f. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Kế toán trưởng có quyền hạn, trách nhiệm được quy định tại các quy chế của Công ty.

g. Các phòng nghiệp vụ

- **Phòng Tổ chức - Hành chính:** Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng giám đốc trong các lĩnh vực tổ chức, quản lý bộ máy; nhân sự, lao động - tiền lương; các vấn đề liên quan đến việc làm, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm và các quy định khác của Pháp luật hiện hành; hành chính – tổng hợp, văn thư – lưu trữ; thi đua khen thưởng, công tác pháp chế, bảo vệ nội bộ; phòng chống tham nhũng, theo dõi, quản lý cổ đông; Tham mưu việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác tài chính và hạch toán kế toán; Bảo đảm đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty theo các quy định về quản lý

kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty; Giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán, kiểm soát dòng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.

- **Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:** Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh, xúc tiến thương mại, công tác thị trường, khai thác khách hàng, tiêu thụ sản phẩm; cung cấp, điều động phương tiện vận chuyển; quản lý, kinh doanh, phân phối hàng hóa nhằm đem lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Xuất nhập khẩu:** Tham mưu giúp Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo quy định pháp luật Quốc tế và Việt Nam, đàm phán ký kết hợp đồng ngoại thương. Tổ chức tìm kiếm, thiết lập thị trường mua bán, nghiên cứu định hướng chiến lược thị trường và xúc tiến thương mại. Đảm bảo tính pháp lý trong công tác kinh doanh xuất nhập khẩu khi có tranh chấp; thực hiện công tác bảo hiểm hàng hóa, giảm thiểu rủi ro, xây dựng kế hoạch kinh doanh xuất nhập khẩu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Xây dựng các quy chế quản lý thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng phù hợp với quy định pháp luật Quốc tế và Việt Nam.
- **Phòng Đầu tư chiến lược – Kỹ thuật xây dựng cơ bản:** Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược đầu tư, kinh doanh, sử dụng mặt bằng, kho bãi; các vấn đề về xây dựng cơ bản, tổ chức đấu thầu, chọn thầu; công nghệ xay xát, chế biến, định mức kinh tế - kỹ thuật theo đúng mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty

h. Các chi nhánh trực thuộc

- **Chức năng nhiệm vụ cơ bản của các chi nhánh**
 - Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chỉ tiêu, kế hoạch Công ty giao.
 - Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các nguồn lực Công ty giao có hiệu quả.
 - Thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính của Công ty và của Nhà nước.
 - Quản lý và phân công lao động hợp lý, hiệu quả, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong đơn vị.
- **Công ty có 10 chi nhánh trực thuộc, gồm:**
 - Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake
 - Xí nghiệp Lương thực Cửu Long
 - Xí nghiệp Lương thực Thời An
 - Xí nghiệp Lương thực Phúc Lộc
 - Xí nghiệp Lương thực Thạnh An
 - Xí nghiệp Lương thực Mỹ Thới
 - Xí nghiệp Lương thực Tri Tôn
 - FoodcoMart Sài Gòn
 - FoodcoMart Tây Ninh
 - FoodcoMart Đắk Nông



4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỉ lệ nắm giữ)

4.1 Cơ cấu cổ đông (tại thời điểm ngày 11/11/2016)

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần (cổ phần)	Tỉ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	446	29,450,000	100
	- Tổ chức	2	28,877,214	98.06
	- Cá nhân	444	572,786	1.94
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	446	29,450,000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 11/11/2016 của Foodcosa)

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (tại thời điểm ngày 11/11/2016)

STT	Cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính	Cổ phần nắm giữ	Tỉ lệ CP nắm giữ
1	Công ty TNHH Một thành viên - Tổng công ty Lương thực miền Nam	333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP.HCM	19.187.100	65,15%
2	Công ty cổ phần Đầu tư SFC	29 Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang, quận 1, TP.HCM	9.690.114	32,90%
	Tổng cộng		28.877.214	98,05%

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 11/11/2016 của Foodcosa)

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập: không có

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.

5.1. Danh sách công ty mẹ:

- o Tên bằng Tiếng Việt: Công ty TNHH Một thành viên – Tổng công ty Lương thực miền Nam
- o Tên tiếng Anh: Viet Nam Southern Food Corporation
- o Tên viết tắt: Vinafood II
- o Tên giao dịch: Tổng công ty Lương Thực Miền Nam
- o Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0300613198, đăng ký lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05/01/2016 (Được chuyển đổi từ Tổng công ty



Lương thực Miền Nam, đăng ký kinh doanh số 4106000338, đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế 0300613198 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/02/2007)

- Vốn điều lệ: 3.375.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (08) 3.837026 Fax:(08) 3.8365898
- Số cổ phần nắm giữ tại Foodcosa là 19.187.100 cổ phiếu, tương đương 65,15% vốn điều lệ tại Foodcosa.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng công ty Lương thực miền Nam: Xuất khẩu gạo và các nông sản khác; chế biến nông sản và thực phẩm.

5.2. *Danh sách công ty con:* không.

5.3. *Danh sách công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:* không.

5.4. *Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch:*

Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực miền Nam nắm trên 65% tại Foodcosa giữ quyền kiểm soát chi phối.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 *Lĩnh vực kinh doanh chính của Foodcosa:*

Kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm; Thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại; Sản xuất các loại bánh từ bột; Kinh doanh vật tư thiết bị, phân bón, thuốc trừ sâu, hàng tiêu dùng, phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty; Kinh doanh hương liệu, gia vị và một số ngành nghề khác theo giấy phép ĐKKD.

6.2 *Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu:*

✓ **Thu mua, chế biến và xuất khẩu mặt hàng gạo các loại:**

- Gạo thơm: KDM (Khaodakmali); Jasmine; OM 4900...
- Gạo chất lượng cao: OM5451, OM4218, OM2517...
- Gạo thông dụng: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 100% tấm
- Nếp, Tấm, Lúa, Cơm...

✓ **Bao bì đóng gói:**

- Thực hiện đóng gói sản phẩm với các loại bao PP hoặc bao ghép màng BOPP, PAPE với các loại kích cỡ khác nhau: 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 15kg, 20kg, 25kg, 30kg, 45kg, 50kg, Jumbo,... theo yêu cầu của khách hàng.

✓ **Kinh doanh xăng dầu: Công ty có 3 Cửa hàng kinh doanh xăng dầu**

- Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Long Thạnh Mỹ (quận 9)
- Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Tam Bình (quận Thủ Đức)
- Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 424 Lê Văn Sỹ (quận Tân Bình)



- o Hợp tác kinh doanh xăng dầu với SaiGon Petro tại 4/34 Nguyễn Oanh (quận Gò Vấp)
- ✓ **Ngoài ra còn các sản phẩm của FoodcoMart và các dịch vụ khác**
- o FoodcoMart là một trong những hệ thống bán lẻ hàng đầu thành phố Hồ Chí Minh. Với hệ thống 38 cửa hàng trải dài khắp quận, huyện thuộc thành phố Hồ Chí Minh, FoodcoMart đang không ngừng hoàn thiện dịch vụ, mở rộng thêm cơ sở để đáp ứng ngày một cao hơn nhu cầu mua sắm tiện ích của người dân.

6.3 *Doanh thu thuần theo lĩnh vực hoạt động: (giai đoạn 2014, 2015 và 8 tháng 2016)*

Đơn vị tính: triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	%/DTT 2014	Năm 2015	%/DTT 2015	8 tháng 2016	%/DTT 8 tháng 2016
1	Gạo	1.094.632	52,14%	723.722	49,80%	254.477	34,29%
2	Xăng, dầu, nhớt	235.732	11,23%	161.695	11,13%	92.134	12,41%
3	Đường	5.577	0,27%	4.645	0,32%	2.979	0,40%
4	Phụ phẩm	54.044	2,57%	106.507	7,33%	56.371	7,59%
5	CNP	688.398	32,79%	432.947	29,79%	318.451	42,91%
6	Cung cấp dv	20.831	0,99%	23.620	1,63%	17.808	2,40%
	Doanh thu thuần	2.099.214	100,00%	1.453.136	100,00%	742.220	100,00%

(Nguồn: Foodcosa)

6.4 *Nguồn nguyên vật liệu:*

Hiện nay công ty đang quản lý 07 Xí nghiệp lương thực trực thuộc. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty nằm trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nên việc thu mua nguyên vật liệu, lúa gạo đầu vào được tiến hành thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp. Nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh gạo chất lượng cao của các đơn vị luôn được duy trì, tạo sự chủ động nguồn hàng cho xuất khẩu. Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.

6.5 *Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực hoạt động: (giai đoạn 2014, 2015 và 8 tháng 2016)*

Đơn vị tính: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	%/DTT 2014	Năm 2015	%/DTT 2015	8 tháng 2016	%/DTT 8 tháng 2016
Gạo, phụ phẩm	32.590	1,55%	60.061	4,13%	5.988	0,81%
Xăng, dầu	10.317	0,49%	12.515	0,86%	3.630	0,49%
Đường	218	0,01%	443	0,03%	108	0,01%
CNP	6.355	0,30%	1.489	0,10%	1.671	0,23%
Doanh thu dịch vụ	20.840	0,99%	23.620	1,63%	17.415	2,35%
Tổng lợi nhuận gộp	70.321	3,35%	98.128	6,75%	28.812	3,88%

(Nguồn: Foodcosa)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất:

7.1 *Hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất (giai đoạn TNHH MTV)*



Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015		8 tháng/2016
	Giá trị	Giá trị	%tăng/giảm	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	431.390	460.489	6,75	1.370.539
Vốn chủ sở hữu	184.865	192.351	4,05	294.500
DTT bán hàng và CCDV	2.099.214	1.453.136	(30,78)	742.220
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(85.873)	(22.725)	-	(54.143)
Lợi nhuận khác	15.248	30.211	98,14	15.199
Tổng LN TT	(70.625)	7.487	-	(38.944)
Tổng LN ST	(70.625)	7.487	-	(38.944)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC kiểm toán tại ngày 31/08/2016)

Trong năm 2015, tình hình hoạt động tiếp tục khó khăn, doanh thu của công ty tuy sụt giảm mạnh so với 2014. Tuy nhiên Foodcosa lại có lãi, chủ yếu do hoạt động từ thu nhập khác mang lại (thu nhập từ bồi thường di dời mặt bằng: 10,79 tỷ đồng; thưởng thanh toán chiết khấu, thưởng doanh số tiền hoa hồng vận chuyển: 10,5 tỷ đồng và các khoản khác theo Thuyết minh BCTC kiểm toán năm 2015)

7.2 Những thuận lợi khó khăn của công ty trong thời gian qua:

a. Khó khăn:

- Năm 2014, xuất khẩu gạo Việt Nam chịu nhiều áp lực cạnh tranh lớn trên các thị trường truyền thống từ việc Thái Lan triển khai chiến dịch xả gạo tồn kho làm giá giảm quá sâu, nên một số thị trường tập trung đã chuyển đổi phương thức và chiến lược nhập khẩu gạo theo hướng đa dạng hóa nguồn cung, tổ chức đấu thầu mở để thu hút sự tham gia của nhiều nhà cung cấp nhằm tạo sự cạnh tranh về giá; các quốc gia có truyền thống nhập khẩu gạo với số lượng lớn cũng có xu hướng giảm nhập khẩu, bằng việc đẩy mạnh phát triển sản xuất trong nước nên cũng khiến áp lực cạnh tranh về giá ngày càng gia tăng, tạo ra nhiều tác động tiêu cực đến tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam.
- Diễn biến thị trường luôn căng thẳng, khó dự báo và tiềm ẩn nhiều rủi ro cao. Tại từng thời điểm, giá gạo thị trường nội địa đột biến tăng mạnh do ảnh hưởng bởi việc xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc, điều này đã gây ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất – kinh doanh mặt hàng gạo của Công ty.
- Sức mua thị trường thấp, doanh thu của chuỗi cửa hàng tiện ích FoodcoMart cũng bị sụt giảm do sự cạnh tranh gay gắt từ các hệ thống bán buôn, bán lẻ trong nước và các tập đoàn lớn có vốn đầu tư nước ngoài nên hiệu quả kinh doanh của chuỗi các cửa hàng năm 2014 thấp hơn so với năm trước.
- Cùng lúc, Công ty phải thực hiện việc sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy sau sáp nhập; tiến hành đồng loạt các thủ tục chuyển đổi sở hữu tài sản, pháp nhân, đăng ký kinh doanh, hệ thống và hợp nhất toàn bộ hồ sơ, dữ liệu của cả 2 công ty sau sáp

nhập (Công ty TNHH Bình Tây và Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh). Bên cạnh đó, công tác cán bộ, nhân sự cũng biến động liên tục làm ảnh hưởng nhiều đến toàn bộ hoạt động của Công ty trong giai đoạn đầu năm 2014.

- Ảnh hưởng bởi thị trường xuất khẩu, thị trường lúa, gạo tại các tỉnh ĐBSCL năm 2015 luôn trong tình trạng trầm lắng, giao dịch không sôi động trong suốt Hè Thu năm 2015. Sang quý III, sau khi hợp đồng tập trung với Philippine và Indonesia được ký kết, giá nội địa tăng mạnh, thị trường sôi động trở lại, Tuy nhiên, giá tăng chủ yếu do nguồn cung khan hiếm và nhu cầu thu mua để giao hàng các hợp đồng tập trung. Việc tăng đột biến giá gạo trong nước, gây khó khăn cho các hợp đồng thương mại, đặc biệt các giao dịch mới hầu như không thể thực hiện do không thể cạnh tranh với các nước xuất khẩu khác.
- 6 tháng đầu năm 2016, do ảnh hưởng hạn hán nghiêm trọng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long làm ảnh hưởng đến sản lượng thu hoạch, giá trong nước biến động tăng và tình hình đầu ra gặp khó khăn nên sản lượng lúa, gạo bán ra còn hạn chế hơn so với các năm trước.
- Do ảnh hưởng khó khăn chung nên đầu ra của Công ty thấp, sản lượng xuất bán không tương ứng với năng lực kho hàng, khấu hao cao dẫn đến giá thành sản phẩm cao.
- Công ty gặp khó khăn về tài chính: nguồn vay tín dụng các ngân hàng không đủ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh.

b. Thuận lợi:

- Được sự hỗ trợ của Tổng công ty Lương thực miền Nam trong việc bảo lãnh vốn và thực hiện các hợp đồng cung ứng.
- Hiện nay, công ty đang quản lý 07 Xí nghiệp lương thực trực thuộc. Các XN trực thuộc Công ty nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên việc thu mua được tiến hành thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp. Nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh gạo chất lượng cao của các đơn vị luôn được duy trì, tạo sự chủ động nguồn hàng cho xuất khẩu.
- Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.
- Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.
- Nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm trong chế biến và kinh doanh lúa gạo.
- Có mối quan hệ lâu dài và tạo được uy tín với một số khách hàng lâu dài trong và ngoài nước.
- Công ty có hệ thống chuỗi cửa hàng FoodcoMart trải dài khắp các quận, huyện TP. HCM và một số tỉnh trên cả nước.
- Quan hệ tốt và có uy tín với các tổ chức tín dụng; được hỗ trợ kịp thời các khoản vốn vay dài hạn và ngắn hạn.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty được thành lập từ năm 1980 đến nay – có hơn 36 năm hoạt động trong ngành kinh doanh lương thực, thực phẩm và kinh doanh bán lẻ. Công ty có hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ và dịch vụ chuyên nghiệp. Với mặt hàng gạo chủ lực được xuất khẩu đi các nước đòi hỏi tiêu chuẩn cao về chất lượng như Châu Âu, Châu Mỹ...đồng thời với 4 mặt hàng gạo nội địa là gạo Đồng Xanh, Hương Lúa, Hạt Ngọc và Quê Việt được người tiêu dùng ưa chuộng, Foodcosa ngày càng khẳng định được thương hiệu lớn trên thị trường trong và ngoài nước. Thời gian tới Foodcosa hướng tới đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh: xuất khẩu gạo, chuỗi cửa hàng tiện ích tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh ăn uống..... Để thực hiện tốt các lĩnh vực kinh doanh nêu trên, Công ty dựa trên các thế mạnh như sau:

- Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.
- Các Xí nghiệp Lương thực trực thuộc Công ty nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên việc thu mua được tiến hành thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp. Nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh gạo chất lượng cao của các đơn vị luôn được duy trì, tạo sự chủ động nguồn hàng cho xuất khẩu. Trong đó có một Xí nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đủ đáp ứng nhu cầu lương thực cho thị trường to lớn này.
- Nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm trong chế biến và kinh doanh lúa gạo.
- Có mối quan hệ lâu dài và tạo được uy tín với một số khách hàng lâu dài trong và ngoài nước.
- Công ty có hệ thống chuỗi cửa hàng FoodcoMart trải dài khắp các quận, huyện Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh trên cả nước.
- Có hệ thống chuỗi cửa hàng đại lý xăng dầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quan hệ tốt và có uy tín với các tổ chức tín dụng; được hỗ trợ kịp thời các khoản vốn vay dài hạn và ngắn hạn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới sau Ấn Độ và Thái Lan. Với giống gạo xuất khẩu được ưa chuộng là giống gạo thơm Jasmine. Trong các năm gần đây xuất khẩu gạo bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước khác như Ấn Độ, Thái Lan, Campuchia... do Trung Quốc thay đổi chính sách về nhập khẩu gạo theo con đường chính ngạch, ngoài ra các nước thị trường truyền thống về nhập khẩu gạo VN cũng bị giảm sút về nhu cầu như Philippines, Malaysia và các thị trường khác như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản.
- Theo Dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2030, mà Bộ Công Thương đang xây dựng thì trong năm 2017 sẽ bảo đảm kim ngạch xuất khẩu gạo ở mức 3 tỷ USD/năm và



3,5 tỷ USD vào năm 2020. Để đạt được mục tiêu này, sản phẩm gạo xuất khẩu thời gian tới sẽ phát triển theo hướng tập trung sản xuất và chế biến gạo trắng, hạt dài, gạo chất lượng cao (5%-10% tẩm), giảm tỷ trọng loại gạo trên 15% tẩm; tăng tỷ trọng các loại gạo thơm, gạo dẻo, gạo Japonica, gạo dinh dưỡng để đáp ứng các thị trường gạo cao cấp như Châu Âu và Bắc Mỹ.

- Đồng thời, giá gạo xuất khẩu được dự báo sẽ tăng trong thời gian tới, do hạn hán kéo dài ở nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á, hiện tượng El Nino xuất hiện ngày càng nhiều khiến sản xuất lương thực sụt giảm. Tồn kho gạo cả Ấn Độ và Thái Lan hiện vào khoảng 16 triệu tấn, giảm 70% so với năm 2013. Tồn kho gạo các nước giảm khiến cho các nhà nhập khẩu gạo lớn như Philippines và Malaysia tăng cường tích lũy lương thực cho nhu cầu trong nước Philippines đang có kế hoạch sẽ mua ít nhất 300.000 đến 500.000 tấn gạo từ Việt Nam và Thái Lan.

9. Chính sách đối với người lao động

- 9.1. *Số lượng người lao động trong Công ty (tại thời điểm 11/11/2016):* Công ty có 417 lao động, trong đó có 261 nam và 156 nữ.



9.2. Phân loại lao động theo trình độ chuyên môn

STT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trình độ trên đại học	4
2	Trình độ đại học	120
3	Trình độ cao đẳng	28
4	Trình độ trung cấp	73
5	Trình độ sơ cấp và công nhân kỹ thuật	192
	Tổng cộng	417

(Nguồn: Foodcosa)

9.3. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp,...

Tại Công ty, nguồn lực con người luôn được xem là yếu tố trọng tâm và từng bước được hoàn thiện. Công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách lương, thưởng; tuyển dụng, đào tạo và phát triển. Các chính sách lương, thưởng cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Ngoài tiền lương hàng tháng, Công ty chi bổ sung lương nhân dịp lễ, tết theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Công ty thực hiện đúng theo quy định về chế độ trợ cấp thôi việc, trợ cấp bảo hiểm xã hội; tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ cho người lao động.

9.4. Chỉ tiêu về lao động và tiền lương của Công ty trong năm 2014, 2015, 2016 và kế hoạch 2 năm tới:

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	KH 2017	KH 2018
Tổng số lao động bình quân (người)	646	519	437	405	405
Tổng quỹ lương thực chi (triệu đồng)	33.477	32.059	28.650	37.393	41.310
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.885.000	5.214.000	5.463.000	7.681.000	8.500.000

(Nguồn: Foodcosa và phương án sau cổ phần hóa)

10. Chính sách cổ tức

- Trong năm 2014 và 2015, Công ty là Doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/09/2016. Vì vậy, trong năm 2014 và 2015 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức.
- Chính sách cổ tức cụ thể qua từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch hoạt động kinh doanh của các năm tới. Trong năm 2016, Công ty dự kiến sẽ không trả cổ tức. Trong năm 2017 của Công ty dự kiến sẽ trả cổ tức là 300 đồng/cổ phần. Hình thức trả cổ tức là bằng tiền mặt.

11. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của công ty tính đến thời điểm 31/12/2015

- Trích khấu hao TSCĐ theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013, như sau:
- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:
 - o Nhà cửa, vật kiến trúc: 10-50 năm
 - o Máy móc, thiết bị: 05-10 năm
 - o Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06-30 năm
 - o Thiết bị, dụng cụ quản lý: 05-10 năm
 - o Tài sản cố định khác: 04-25 năm
 - o Phần mềm máy tính: 05 năm
 - o Quyền sử dụng đất: 20-50 năm

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2015)

- Tình hình các khoản nợ của Foodcosa:

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

Các khoản nợ	ĐVT	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Đồng	210.309.141.727	236.330.387.677	352.246.102.665

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

Đơn vị tính: Đồng

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải nộp 31/12/2014	Số phải nộp 31/12/2015	Số phải nộp 31/08/2016
Thuế Giá trị gia tăng	626.009.989	23.648.618	60.279.358
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	561.976.855.000
Tổng	626.009.989	23.648.618	562.037.134.358

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Số dư các quỹ	ĐVT	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	12.625.304.044	12.625.304.044	0

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

- Tình hình công nợ phải thu và phải trả:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu công nợ	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Nợ phải thu	20.870.513.164	20.368.158.831	17.201.884.166
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	20.870.513.164	20.368.158.831	17.201.884.166
2. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu công nợ	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Nợ phải trả	246.525.080.074	268.138.064.315	1.076.038.972.741
1. Nợ ngắn hạn	237.625.211.164	262.661.582.465	1.070.683.972.741
2. Nợ dài hạn	8.899.868.910	5.476.481.850	5.355.000.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

- Đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu đầu tư tài chính	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25.300.000.000	25.300.000.000	17.191.972.020
1. Đầu tư vào công ty LDLK	12.400.000.000	12.400.000.000	5.853.508.822
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.900.000.000	12.900.000.000	11.338.463.198

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)

- Các chỉ số tài chính cơ bản của công ty tính đến thời điểm 31/12/2015:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán hiện hành	lần	0,88	0,96
+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,25	0,46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	57,15%	58,23%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	133,35%	139,40%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	lần/năm	14,12	9,63
+ Vòng quay tổng tài sản	lần/năm	4,87	3,26
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	-3,36%	0,52%
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-38,21%	3,97%
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	-16,39%	1,68%
+ Lợi nhuận thuần HĐKD/DTT	%	-4,09%	-1,53%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, PNS tổng hợp)

**12. Tài sản (những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu Công ty)***12.1 Tình hình tài sản của công ty tính đến thời điểm 31/12/2015*

STT	Khoản mục	Nguyên giá (Triệu đồng)	Giá trị còn lại (Triệu đồng)	% Giá trị còn lại/ Nguyên giá
I	TSCĐ hữu hình	482.135	170.061	35,27%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	212.914	111.378	52,31%
2	Máy móc thiết bị	231.239	50.890	22,01%
3	Phương tiện vận tải	17.324	4.062	23,45%
4	Thiết bị dụng cụ	17.286	2.632	15,23%
5	TSCĐ khác	3.372	1.100	32,62%
II	TSCĐ vô hình	12.849	8.502	66,17%
1	Quyền sử dụng đất	10.063	8.217	81,65%
2	Phần mềm quản lý	2.786	286	10,26%
	Tổng	494.984	178.564	36,07%

*(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Foodcosa)**12.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**(Đơn vị tính: đồng)*

Xây dựng cơ bản và mua sắm	31/12/2014	31/12/2015	31/08/2016
Nhà văn phòng 289 Trần Văn Kiểu	117.870.247		
Chi phí làm đường tại Thạnh Quới	9.090.909	9.090.909	9.090.909
Nhà lửng bụi Xí nghiệp Tri Tôn	-	-	104.100.000
Công trình khác	-	5.700.500	5.700.500
Mua sắm: hệ thống lửng bụi Xí nghiệp Tri Tôn	-	-	168.400.000
Tổng	126.961.156	14.791.409	287.291.409

*(Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 và BCTC kiểm toán 31/08/2016)**12.3 Tình hình đất và tài sản gắn liền với đất của công ty sau khi cổ phần hóa:*

- Đối với các lô đất thuê đất trả tiền hàng năm (62 cơ sở nhà đất gồm 67 thửa đất, 171.325,85 m²): Tiếp tục thuê đất trả tiền hàng năm.
- Đối với 2 thửa đất tại 1610 Võ Văn Kiệt, P7, Q6, TP.HCM (21.680,1 m²) và thửa đất tại 400 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP.HCM (13.983,0 m²): Công ty vẫn tiếp tục trả tiền thuê đất hàng năm đến khi có quyết định của các cấp có thẩm quyền về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất thì Công ty sẽ thực hiện đúng quy định.
- Đối với các lô đất bàn giao lại cho địa phương quản lý và sử dụng gồm 01 lô đất tại tỉnh Đồng Nai, 01 lô đất tại tỉnh Bình Thuận và 09 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh (Tổng diện tích 39.338,80 m²): đang chờ ý kiến của các cấp có thẩm quyền.
- Đối với việc bán tài sản trên đất (01 Sa Đéc, 01 Cần Thơ, 02 TP.HCM và 01 Vĩnh Long) : đang trong quá trình thực hiện.



13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	KH 2016	%tăng giảm KH 2016 so với KH 2015	Ước thực hiện 2016		KH 2017	%tăng giảm KH 2017 so với KH 2016
			Giá trị	So với KH 2016		
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	294,5	0%	294,5	0%	294,5	0%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.068	-36,25%	1.430	-1,59%	2.275	10,01%
LNST (tỷ đồng)	4,00	82%	-58,57	-	12	200%
Tỷ lệ LNST/DTT	0,19%	-	-4,10%	-	0,53%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	1,4%	-	-19,9%	-	4,1%	-
Cổ tức/CP (đồng)	0	-	0	-	300	-
Tỷ lệ cổ tức/năm	0%	-	0%	-	3%	-

(Nguồn: Foodcosa và Phương án cổ phần hóa Foodcosa)

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho năm 2017 Công ty dựa trên những cơ sở sau:

- Giảm bớt phần chi phí tài chính mà Công ty phải gánh : Tận dụng và khai thác một cách hợp lý các Xí nghiệp và các cơ sở vật chất của Công ty hiện có.
- Phát huy tốt hơn các thế mạnh sẵn có của Công ty như:
 - + Hệ thống các Xí nghiệp tại vùng nguyên liệu đồng bằng sông Cửu Long làm cho giá thành hạ tăng sản lượng bán ra.
 - + Liên kết xây dựng vùng nguyên liệu để có nguồn cung cấp ổn định về chất và lượng cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
 - + Hệ thống chuỗi cửa hàng tiện ích tại TP HCM và các tỉnh trong cả nước.
 - + Mở rộng thêm chuỗi cửa hàng đại lý xăng dầu tại TP HCM.
- Dựa vào tốc độ tăng trưởng nền kinh tế của đất nước cũng như của Công ty.

13.2. Kế hoạch tăng vốn Điều lệ (nếu có):

Theo phương án cổ phần hóa Công ty đã được phê duyệt và thông qua trong ĐHĐCĐ không có tăng vốn.

13.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, Foodcosa tiếp tục gặp khó khăn, ước thực hiện doanh thu và lợi nhuận lần lượt là 1.430 tỷ đồng và -58,57 tỷ đồng. Do thời gian chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần của Foodcosa chỉ mới có 4 tháng, nên chưa thể đạt được hiệu quả kinh doanh ngay sau khi cổ phần hóa.

Đối với kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận của Foodcosa năm tiếp theo (2017): Với định hướng của Foodcosa sau cổ phần hóa, giảm bớt chi phí tài chính, cơ cấu lại nhân sự theo hướng phù hợp, liên kết xây dựng nguồn nguyên liệu đầu vào để có nguồn cung cấp ổn định về chất lượng và giá thành, mở rộng thêm chuỗi cửa hàng đại lý xăng dầu tại TP.HCM, cũng như chuỗi cửa hàng tiện ích và cùng với kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong ngành của Foodcosa và đặc biệt là triển vọng tốt trong ngành xuất khẩu gạo...theo đánh giá của Tổ



chức tư vấn - Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Nam, khả năng cao Foodcosa sẽ thực hiện được các kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong năm tới.

Chúng tôi lưu ý rằng các nhận xét và đánh giá của chúng tôi đều mang tính tham khảo đối với các quyết định đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay,...):

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

15.1. Mục tiêu

- Xây dựng Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở thực hiện tái cơ cấu, sử dụng hợp lý các nguồn lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên môn giỏi.
- Thực hiện sắp xếp lại và thay đổi cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp.

15.2. Định hướng

- Liên kết đối tác có kinh nghiệm, có tiềm năng về vốn, kỹ thuật, năng lực quản trị, sản phẩm và thị trường; Đồng thời đẩy mạnh liên kết nội khối tạo nhiều cơ hội, tạo nguồn lực tổng hợp để có lợi thế cạnh tranh hơn, hiệu quả hơn.
- Định hướng ngành nghề và sản phẩm: Tăng trưởng mạnh, vững chắc, tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh chính, tạo lợi thế cạnh tranh ở những sản phẩm dịch vụ truyền thống đã được khẳng định trên thị trường.
- Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp, văn hóa doanh nghiệp.
- Tập trung nguồn lực, phát triển ngành nghề kinh doanh chính và phát triển các loại hình dịch vụ, các loại hình kinh doanh mới. Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận.
- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Công ty có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có tầm nhìn đáp ứng được mọi yêu cầu của công việc đồng thời có bản lĩnh chính trị và đạo đức lối sống tốt.
- Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo Công ty cùng các tổ chức Đoàn thể chăm lo thật tốt đời sống vật chất của cán bộ công nhân viên Công ty, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng để đưa Công ty từng bước vững mạnh hơn.

15.3. Chiến lược phát triển

- a. Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng



dụng công nghệ tiên tiến để đưa Foodcosa trở thành một doanh nghiệp phát triển, mạnh toàn diện trong lĩnh vực kinh doanh lương thực và chuỗi các cửa hàng tiện ích.

- **Về sản phẩm:** ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Ưu tiên cho việc phát triển các thị trường truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước để tiếp cận thị trường quốc tế.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới.
- **Về đầu tư:** Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các chi nhánh trực thuộc, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

b. Điểm mạnh, điểm yếu, thuận lợi, khó khăn

Điểm mạnh:	Điểm yếu:
Đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh: xuất khẩu gạo, chuỗi cửa hàng tiện ích tại TP. HCM và tỉnh, kinh doanh xăng dầu, kinh doanh ăn uống...	Công tác nắm bắt thông tin thị trường đôi lúc chưa được nhanh nhạy và kịp thời; phụ thuộc quá nhiều vào thị trường tập trung.
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị được trang bị và đầu tư với qui mô lớn. Thuận lợi cho công tác sản xuất chế biến, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước về chủng loại, chất lượng gạo.	Hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng cũ kỹ, chưa sử dụng hết công suất. Nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ phải vay ngân hàng đã làm tăng giá thành sản phẩm; Gánh nặng khấu hao, hiệu quả sử dụng máy móc thấp do chưa đồng bộ sầy và xay xát.
Các XN trực thuộc Công ty nằm trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long nên việc thu mua được tiến hành thuận lợi, chi phí vận chuyển thấp. Nguồn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh gạo chất lượng cao của các đơn vị luôn được duy trì, tạo sự chủ động nguồn hàng cho xuất khẩu.	Năngsuất lao động chưa cao, năng lực quản trị vẫn còn hạn chế, mặc dù Công ty luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nhưng việc đào tạo và bồi dưỡng này chỉ diễn ra trong ngắn hạn, công tác tuyển chọn đào tạo có chú trọng nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển ngành nghề kinh doanh.
Nguồn nhân lực có bề dày kinh nghiệm trong chế biến và kinh doanh lúa gạo.	Chưa có bộ phận chuyên trách về Tiếp thị (Marketing) nên việc triển khai kế hoạch về tiếp thị hay các hoạt động nhằm quảng bá sản phẩm gạo còn yếu kém, bỏ lỡ nhiều cơ hội. Chưa quan tâm đúng mức đến thị trường nội địa.
Có mối quan hệ lâu dài và tạo được uy tín với một số khách hàng lâu dài trong và ngoài nước.	Gạo có nhãn hiệu của công ty chưa tiếp cận được nhiều với khách hàng trong và ngoài nước.
Công ty có hệ thống chuỗi cửa hàng FoodcoMart trải dài khắp các quận, huyện TP. HCM và một số tỉnh trên cả nước.	Năng lực tài chính không mạnh, vốn của Công ty đều nằm trong tài sản, hoạt động chủ yếu bằng vốn vay ngân hàng, dẫn đến hạn chế trong việc dự trữ hàng hoá cũng như phương thức bán hàng và đầu tư vùng nguyên liệu.
Quan hệ tốt và có uy tín với các tổ chức tín dụng; được hỗ trợ kịp thời các khoản vốn vay dài hạn và ngắn hạn.	

c. Giải pháp thực hiện mục tiêu sau cổ phần hoá:

❖ **Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm**

➤ **Giải pháp về thị trường**

- **Thị trường ngoài nước**

- Đối với thị trường truyền thống Malaysia, Indonesia, Philippine: cần theo dõi sát diễn biến thời tiết, cung, cầu để có kế hoạch dự trữ hàng hoá cho các thị trường này.
- Thị trường Trung Quốc: Đây là thị trường tiêu thụ gạo Việt Nam với số lượng lớn theo hai hình thức: chính ngạch và tiểu ngạch (đặc biệt là tiểu ngạch). Thị trường này tiêu thụ nhiều loại gạo trắng thông dụng, gạo thơm, nếp, tấm... Tuy nhiên, đây cũng là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất là việc thanh toán hay trách nhiệm thực hiện hợp đồng của khách hàng.
- Ngoài ra Công ty cũng cần quan tâm giao dịch để tiếp cận và mở rộng thị trường gạo cấp thấp tại Châu Phi, gạo cao cấp tại thị trường Trung Đông, Mỹ, Úc, Nhật, Mexico, Peru....

- **Thị trường nội địa**

- Đây là thị trường trong nước với nhu cầu tiêu dùng của 90 triệu người dân, là một thị trường rất lớn, rất nhiều tiềm năng, nhưng cũng sẽ rất khó khăn vì có rất nhiều đối thủ cạnh tranh, nhất là đối với các thành phần kinh tế tư nhân, tiểu thương.
- Phải đảm bảo cung cấp hàng với số lượng ổn định, giá cả phải cạnh tranh, tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Đối với dòng sản phẩm là gạo trắng thông dụng, thì giá cạnh tranh sẽ có nhiều cơ hội bán hàng hơn.
- Đối với dòng sản phẩm là gạo thơm, khách hàng lại chú trọng nhiều đến chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, nên đơn vị nào đảm bảo được sản phẩm có chất lượng ổn định và các tiêu chí về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật thì cơ hội bán hàng tốt hơn.
- Đặc biệt quan tâm đầu tư vào hệ thống chuỗi của Công ty để phát triển thị phần tiềm năng này.

➤ **Giải pháp về sản phẩm**

- Liên kết mở rộng vùng nguyên liệu, tạo ra sản phẩm đầu vào ổn định và chất lượng, đặc biệt là các loại gạo đặc sản và gạo cao cấp để tăng giá trị đầu ra.
- Tăng cường công tác truyền thông, quảng bá các nhãn hiệu gạo của Công ty. Tiếp tục phát triển các thương hiệu gạo của Công ty hiện có và nghiên cứu thêm các sản phẩm mới. Chú trọng đến chất lượng, sự đa dạng và tính ổn định của sản phẩm gạo của Công ty.
- Quản lý tốt khâu sản xuất, chế biến nhằm giảm giá thành sản phẩm để cạnh tranh được với thị trường trong nước và quốc tế.
- Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

❖ **Nhóm giải pháp về vốn, tài chính**

➤ **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

- Tăng cường giao dịch với các tổ chức tín dụng, ngân hàng có mối quan hệ tốt với Công ty cũng như có kế hoạch sử dụng vốn hợp lý nhằm giảm áp lực về vốn trong kinh doanh đồng thời giảm chi phí lãi vay tăng hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các chi nhánh trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối nhằm giảm rủi ro và thất thoát.
- **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**
 - Ban hành các Quy chế quản lý trong toàn Công ty nhằm định mức lại các chi phí quản lý một cách hợp lý, đặc biệt là các chi phí trong khâu chế biến lương thực như: Thu mua nguyên liệu, tỷ lệ thu hồi thành phẩm, chi phí điện, vật tư
 - Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ và hiệu quả.
- ❖ **Nhóm giải pháp về tìm kiếm phát triển thị trường**

Tiếp tục giữ vững và phát triển chất lượng sản phẩm, phong cách phục vụ nhằm củng cố và giữ vững các thị trường đã có và mở rộng các thị trường trong nước và nước ngoài.
- ❖ **Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực**

Luôn nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.
- ❖ **Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp**
- **Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ:**

Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- **Nâng cao năng lực hoạt động cho các chi nhánh:**

Dựa vào các Quy chế quản lý nội bộ nhằm phân cấp quản lý và quy định trách nhiệm cho các chi nhánh phù hợp với quy mô, địa bàn hoạt động để các đơn vị được chủ động trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng tối đa công suất cơ sở vật chất của từng chi nhánh trực thuộc.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý:**

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa để tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- ❖ **Nhóm giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Việc tổ chức lại các phòng, ban, các chi nhánh trực thuộc đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng, ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng, ban, nhân viên đều có công việc phụ trách để nâng cao năng lực và sức cạnh tranh trên thị trường.
- ❖ **Nhóm giải pháp về công tác chính trị, tư tưởng, đoàn thể**

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc luôn đưa ra các đường lối, chủ trương, các biện pháp, giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức Công đoàn thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đưa ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội Công ty đề ra; động viên tinh thần đối với người lao động thuộc tổ chức mình để họ phấn khởi yên tâm thi đua lao động.
- Phát động các phong trào thi đua nhằm động viên các bộ phận, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ; Khen thưởng kịp thời về vật chất và tinh thần cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
- ❖ **Nhóm giải pháp tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí**
- Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

1/- Vụ Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh kiện Foodcosa, đòi tăng giá thuê nhà 57 Nguyễn Thị Minh Khai từ 206 triệu đồng lên 560 triệu đồng/tháng, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, tổng số tiền là 3.186.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Theo bản án của Tòa phúc thẩm thì Công ty phải nộp chênh lệch giá thuê nhà từ 206 triệu đồng/tháng lên 560 triệu đồng/tháng từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015, tổng cộng 1.062.000.000 đồng. Công ty đã yêu cầu xem xét thủ tục giám đốc thẩm và đang chờ kết quả.

2/- Foodcosa khởi kiện đòi Công ty CP Phú Tam Khôi thanh toán nợ tiền thuê đất tại cơ sở nhà đất 161 Trần Huy Liệu số tiền 1.585.957.812 đồng: Foodcosa đã được thanh toán 400 triệu đồng và dự kiến Tòa sẽ đưa vụ kiện ra xét xử tiếp đối với số tiền còn lại vào giữa tháng 10 năm 2016.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Trịnh Ngọc Thuận	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
02	Trần Anh Vũ	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
03	Tô Phước Khải	Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
04	Nguyễn Hạnh Phúc	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

05	Nguyễn Lâm Vinh Huy	Ủy viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
----	---------------------	--------------	---------------------------------

1.2. Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

❖ **Ông Trịnh Ngọc Thuận: Chủ tịch HĐQT**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Trịnh Ngọc Thuận
- Ngày tháng năm sinh: 02/10/1976
- Số CMND: 362353700 cấp ngày 22/07/2008 Tại: CA TP.Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: C3/12 Chung cư Phúc Thịnh, 341 Cao Đạt, phường 1, quận 5, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin; Cử nhân Tài chính
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
12/1999	07/2000	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty Lương thực Sông Hậu
08/2000	03/2003	Phụ trách Công nghệ thông tin tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty Lương thực Sông Hậu
04/2003	09/2005	Phó phòng Tài chính-Kế toán Công ty Lương thực Sông Hậu
10/2005	05/2009	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Lương thực Sông Hậu
06/2009	04/2010	Kế toán trưởng Công ty Lương thực Sông Hậu
05/2010	05/2010	Phó giám đốc Công ty Lương thực Sông Hậu
06/2010	06/2014	Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam
07/2014	08/2016	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam
09/2016	Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 5.606.500 cổ phần, chiếm 19,04% Vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 11.000 cổ phần; tương đương 0,04% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương thực miền Nam: 5.595.500 cổ phần, tương đương 19% vốn điều lệ .
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Ông Trần Anh Vũ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Trần Anh Vũ
- Ngày tháng năm sinh: 04/01/1963
- Số CMND: 024425034 cấp ngày 31/10/2013 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 23 đường 44, khu dân cư Tân Qui Đông, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
07/1985	03/1988	Nhân viên phòng Kế hoạch nghiệp vụ Công ty Lương thực Long An
04/1988	08/1989	Phó phòng Kế hoạch Công ty Lương thực Long An
09/1989	03/1992	Phó giám đốc Công ty Lương thực huyện Thạnh Hóa
04/1992	06/2001	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Lương thực Long An
07/2001	07/2003	Phó giám đốc Công ty Lương thực Long An
08/2003	09/2003	Phó phòng Kế hoạch và Tiếp thị Tổng công ty Lương thực miền Nam
10/2003	11/2005	Phó giám đốc Công ty Bột mì Bình Đông
12/2005	05/2006	Phó phòng Kế hoạch kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam
06/2006	02/2007	Phó giám đốc Công ty Bột mì Bình Đông
03/2007	06/2009	Giám đốc Công ty Bột mì Bình Đông
07/2009	09/2009	Giám đốc Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake
10/2009	07/2014	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
08/2014	08/2016	Giám đốc Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
09/2016	Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 5.304.000 cổ phiếu, chiếm 18,01% Vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần; tương đương 0,01% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực miền Nam: 5.301.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ .
- Thù lao: 3.000.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ Ông **Tô Phước Khải**: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

➤ *Thông tin chung*



- Họ và tên: Tô Phước Khải
- Ngày tháng năm sinh: 01/12/1973
- Số CMND: 024449465 cấp ngày 28/12/2005 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 92A Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
01/1999	09/2004	Nhân viên phòng Quản lý nhà xưởng Công ty Lương thực TP.HCM
10/2004	05/2005	Chuyên viên phòng Đầu tư công nghệ Công ty Lương thực TP.HCM
06/2005	12/2007	Phó phòng Đầu tư công nghệ Công ty Lương thực TP.HCM
01/2008	08/2008	Quyền Trưởng phòng Đầu tư công nghệ Công ty Lương thực TP.HCM
09/2008	01/2016	Trưởng phòng Đầu tư - Kỹ thuật - Xây dựng cơ bản Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
02/2016	08/2016	Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
09/2016	Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

- Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 5.008.200 cổ phần, chiếm 17,01% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.700 cổ phần; tương đương 0,01% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực miền Nam: 5.006.500 cổ phần, tương đương 17% vốn điều lệ .
- Thù lao: 3.000.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Ông Nguyễn Hạnh Phúc: Thành viên HĐQT**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Nguyễn Hạnh Phúc
- Ngày tháng năm sinh: 14/07/1956
- Số CMND: 020224501 cấp ngày 28/02/2013 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 293/2 khu phố 6, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Cố vấn HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư SFC.

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
04/1976	1982	Công tác tại Phòng Lương thực huyện Bình Chánh
1983	1993	Cửa hàng phó Cửa hàng Trung tâm Lương thực huyện Bình Chánh
1993	1997	Cửa hàng trưởng Cửa hàng Lương thực huyện Bình Chánh
1997	2000	Giám đốc Xí nghiệp Sài Gòn - Satake
2000	2006	Phó giám đốc Công ty Lương thực Tp. HCM kiêm Giám đốc Xí nghiệp Colusa - Miliket
2006	2008	Phó chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Nam
2009	07/2010	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
08/2010	07/2016	Chánh Văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Nam
08/2016	Nay	Cố vấn HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư SFC; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 3.500.000 cổ phần, chiếm 11,88% Vốn điều lệ. Trong đó:

- Đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Đầu tư SFC: 3.500.000 cổ phần, tương đương 11,88% vốn điều lệ .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy: Thành viên HĐQT**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Nguyễn Lâm Vinh Huy
- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1982
- Số CMND: 025548539 cấp ngày 11/11/2011 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 29 Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang, quận 1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng; Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn Thương Tín;
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư SFC.

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng,	Đến tháng,	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
-----------	------------	------------------------------------



năm	năm	
10/2004	10/2015	Làm việc tại Southernbank qua các vị trí: Kiểm soát nội bộ, Ban dự án, Trưởng phòng Đầu tư, Phó tổng giám đốc
04/2012	Nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn
10/2015	Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Sài Gòn Thương Tín
11/2015	Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư SFC
01/09/2016	Nay	Thànhviên HĐQT Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 6.190.114 cổ phần, tương đương 21,02% Vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Đầu tư SFC: 6.190.114 cổ phần, tương đương 21,02% vốn điều lệ .

- Thủ lao: 3.000.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

2. Ban kiểm soát

2.1 Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Trần Thị Đoàn Thu	Trưởng Ban kiểm soát	Chuyên trách
02	Võ Thành Nhân	Thành viên BKS	Không chuyên trách
03	Thân Tấn Thuận	Thành viên BKS	Không chuyên trách

2.2 Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

❖ Bà Trần Thị Đoàn Thu: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách

➤ Thông tin chung

- Họ và tên: Trần Thị Đoàn Thu
- Ngày tháng năm sinh: 30/04/1975
- Số CMND: 024998109 cấp ngày: 22/05/2008 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 425 lô E Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

➤ Quá trình công tác

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
10/1999	03/2002	Nhân viên phòng Sản xuất Công ty May Tây Đô





04/2002	09/2008	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Bình Tây
10/2008	12/2013	Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH Bình Tây
01/2014	08/2016	Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
09/2016	Nay	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 3.285.700 cổ phần, tương đương 11,16% Vốn điều lệ. Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần; tương đương 0,01% vốn điều lệ.
- Đại diện phần vốn của Công ty TNHH TMV – Tổng công ty Lương thực miền Nam: 3.284.100 cổ phần, tương đương 11,15% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Ông Võ Thành Nhân: Thành viên BKS không chuyên trách**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Võ Thành Nhân
- Ngày tháng năm sinh: 13/08/1976
- Số CMND: 022895137 cấp ngày: 02/01/2008 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: D7/19 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó phòng Tổ chức - Hành chính phụ trách Công nghệ thông tin; Thành viên BKS không chuyên trách.
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác: Không

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
06/1999	02/2001	Nhân viên phòng Kế hoạch - Kinh doanh Xí nghiệp Sài Gòn Satake (thuộc Công ty Lương thực TP.HCM)
03/2001	04/2002	Nhân viên Xí nghiệp Lương thực thực phẩm Safoco (thuộc Công ty Lương thực TP.HCM)
05/2002	07/2003	Nhân viên phòng Kế hoạch Trung tâm Thương mại Gia Định (thuộc Công ty Lương thực TP.HCM)
08/2003	09/2009	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
10/2009	06/2014	Chuyên viên, Tổ trưởng Tổ Công nghệ thông tin Công ty TNHH MTV



		Lương thực TP.HCM
07/2014	08/2016	Phó phòng Tổ chức - Hành chính phụ trách Công nghệ thông tin Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
09/2016	Nay	Phó phòng Tổ chức - Hành chính phụ trách Công nghệ thông tin Công ty cổ phần Lương thực TP.HCM kiêm thành viên BKS Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.600 cổ phần, chiếm 0,01% Vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân: 1.600 cổ phần; tương đương 0,01% vốn điều lệ.
- Thu lao: 2.000.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Ông Thân Tấn Thuận: Thành viên BKS không chuyên trách**

➤ *Thông tin chung*

- Họ và tên: Thân Tấn Thuận
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1982
- Số CMND: 025222660 cấp ngày: 14/11/2009 Tại: CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 139/8 đường 14, KP Bến Cát, phường Phước Bình, quận 9, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính-Ngân hàng; Cử nhân Kế toán-Kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
+Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Thương mại Sài Gòn SGN;
- + Cố vấn tài chính Công ty cổ phần Đầu tư SFC;
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên BKS không chuyên trách

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
2005	2006	Trưởng bộ phận kiểm soát, Trợ lý Giám đốc Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán MKT
2006	2009	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Thương mại Sài Gòn SGN
2009	Nay	Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH.Giao nhận Vận tải Thương mại Sài Gòn SGN
2014	Nay	Cố vấn tài chính Công ty cổ phần Đầu tư SFC
09/2016	Nay	Thành viên BKS không chuyên trách Công ty cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: không có

➤ Thù lao và các lợi ích từ Công ty:

- Thù lao: 2.000.000 đồng/tháng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

3. Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

3.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
01	Trần Anh Vũ	Tổng giám đốc	Đồng thời là Ủy viên HĐQT
02	Tô Phước Khải	Phó tổng giám đốc	Đồng thời là Ủy viên HĐQT
03	Đỗ Ngọc Nga	Phó tổng giám đốc	
04	Phạm Thị Phương Lan	Kế toán trưởng	

3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

- ❖ Ông **Trần Anh Vũ: Tổng giám đốc:** xem Sơ yếu lý lịch ở mục 1.2
- ❖ Ông **Tô Phước Khải: Phó tổng giám đốc:** xem Sơ yếu lý lịch ở mục 1.2
- ❖ Bà **Đỗ Ngọc Nga: Phó tổng giám đốc**
 - *Thông tin chung*
 - Họ và tên: Đỗ Ngọc Nga
 - Ngày tháng năm sinh: 10/05/1986
 - Số CMND: 311849031 cấp ngày 28/10/2013 Tại: CA Tiền Giang
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Chỗ ở hiện tại: TK 9/31 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, quận 1, TP.HCM
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán; Cử nhân Luật
 - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó tổng giám đốc
 - Chức vụ công tác hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn APT
 - + Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư SFC

➤ *Quá trình công tác*

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
2007	2008	Kế toán thanh toán kiêm thủ quỹ Công ty cổ phần AVA
07/2008	03/2009	Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Nam
03/2009	06/2010	Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Phương Nam
06/2010	06/2011	Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Đệ Nhất
06/2011	01/2012	Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Phương Nam



2012	Nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn APT
2015	Nay	Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư SFC
10/2015	30/09/2016	Phó phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
01/10/2016	Nay	Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Lương Thực TP.HCM

➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: không có

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

❖ **Bà Huỳnh Thị Phượng: Kế toán trưởng**

(Bà Huỳnh Thị Phượng được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng theo Quyết Định số 02/QĐ-LT-HĐQT của Foodcosa ngày 12/01/2017)

➤ **Thông tin chung**

- Họ và tên: Huỳnh Thị Phượng
- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1975
- Số CMND: 300887728 cấp ngày 29/11/2009 Tại: CA Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Chỗ ở hiện tại: 58/53A Phan Chu Trinh, phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

➤ **Quá trình công tác**

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Chức vụ, chức danh đơn vị công tác
11/01/1998	31/12/2000	Phụ trách kế toán Trạm KDCBLT Cần thơ- Cty KDCBLT XK (thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam)
2001	2004	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty KD chế biến lương thực Xuất khẩu. (thuộc Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam)
2005	2006	Phó trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty KD chế biến lương thực Xuất khẩu. (thuộc Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam)
2007	31/08/2009	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
01/09/2009	31/12/0015	Phó trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty TNHH MTV Lương thực TP.HCM
01/01/2016	01/01/2017	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế toán Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam
12/01/2017	nay	Kế toán trưởng Công ty CP Lương thực TP.HCM



➤ Số lượng cổ phần hiện đang nắm giữ: 7.500 cổ phần, chiếm 0,025% Vốn điều lệ

- Sở hữu cá nhân: 7.500 cổ phần; tương đương 0,025% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không có
- Những khoản nợ đối với công ty: không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Hiện tại, Điều lệ công ty đã được xây dựng căn cứ trên quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH-13; và tinh thần của Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 về quản trị Công ty đại chúng. Trên cơ sở kế hoạch Công ty sau cổ phần hóa, Foodcosa sẽ tiếp tục thực hiện xây dựng và hoàn chỉnh các quy chế, quy định mới làm cơ sở để Công ty tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tăng cường hình ảnh thương hiệu của Công ty trên Thị trường chứng khoán.

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần;
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015;
3. Báo cáo tài chính kiểm toán 01/01/2016 đến 31/8/2016;
4. Báo cáo kiểm toán vốn tại ngày 01/09/2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2017

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
TỔNG GIÁM ĐỐC – NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Anh Vũ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thúy Liên

